

(Từ ngày 21/01/2026 đến hết ngày 27/01/2026)

TT	Khu vực	(*)	Sốt xuất huyết		T - C - M		Sốt rét		COVID-19		Sốt phát ban		Đại	
			M	C	M	C	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	a	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	6	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1
2	Chư Prông	a	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	33	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0
3	Chư Puh	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chư Sê	a	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	16	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Đăk Đoa	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đăk Pơ	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Đức Cơ	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Ia Grai	a	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	5	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Ia Pa	a	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Kbang	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Kông Chro	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Krông Pa	a	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	20	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Mang Yang	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Phú Thiện	a	26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	90	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Pleiku	a	5	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	16	0	4	0	0	0	0	0	1	0	0	0
16	An Khê	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Ayun Pa	a	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Quy Nhơn	a	7	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	14	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Tuy Phước	a	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	14	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	An Nhơn	a	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	13	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Phù Cát	a	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	15	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Phù Mỹ	a	8	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	15	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Hoài Nhơn	a	7	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	37	0	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Hoài Ân	a	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	7	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Tây Sơn	a	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Vân Canh	a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Khu vực	(*)	Sốt xuất huyết		T - C - M		Sốt rét		COVID-19		Sốt phát ban		Đại	
			M	C	M	C	M	C	M	C	M	C	M	C
27	An Lão	a	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	11	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Vĩnh Thạnh	a	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Ngoại lai		a	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Toàn tỉnh		a	113	0	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	357	0	56	0	0	0	0	0	0	2	0	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 04 NĂM 2026
(Từ ngày 21/01/2026 đến hết ngày 27/01/2026)

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bồng Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhon	Tuy Phước	An Nhơn	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9.426	1.600	480	240	140	160	100	350	200	350	220	180	160
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	69.643	7.890	4.524	215	231	928	1.265	4	2.061	3.084	2.793	2.048	1.364
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	58.125	6.278	4.126	166	82	827	506	4	1.972	2.954	2.558	1.805	1.175
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	5.636	579	509	215	-	-	-	264	189	48	180	112	23
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	10.356	956	599	2	1	30	161	417	174	373	329	179	142
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	22.438	2.861	1.847	122	106	162	633	1	978	1.370	1.279	947	569
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	3.593	291	249	-	4	-	17	62	171	345	211	268	161
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		720	287	188	-	4	-	16	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	2.880	4	61	-	-	-	1	62	171	345	211	268	161
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	10.065	1.687	625	455	55	77	307	349	282	380	235	156	184
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	9.301	1.630	601	424	50	72	227	342	275	336	208	146	183
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	1.209	302	32	455	-	58	-	10	40	34	46	23	23
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	1.767	203	101	6	-	4	-	54	32	82	57	18	44
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	4.275	1.509	225	217	26	9	221	113	131	125	163	70	72
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	471	65	43	-	6	1	2	3	2	29	13	43	-
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		98	34	7		3	-	2	-	-	-	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	354	5	36	-	3	1	-	3	2	29	13	43	-
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	56.049	12.188	3.458	2.163	523	1.163	277	2	1.052	1.995	2.134	1.214	826
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	9.401	1.687	600	178	64	70	211	363	153	348	368	165	155
6.1	Số điều trị khỏi	"	3.683	694	325	-	3	-	185	124	39	161	127	79	124
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	4.963	834	218	164	50	69	21	226	112	158	214	39	25
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	405	123	16	14	4	-	1	10	-	21	5	2	-
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	309	35	41	-	7	1	4	3	2	8	22	45	6
6.5	Số tử vong	"	3	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	35.679	5.892	3.650	65	172	851	1.053	3	1.882	2.091	2.364	1.892	1.180
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	1.005	141	22	7	-	-	51	9	-	4	16	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	214.561	29.460	21.900	368	1.204	-	5.265	48	24.310	28.553	29.072	9.460	-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	8.605	2.966	132	56	-	-	255	99	-	45	109	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	138.803	24.704	6.813	620	699	534	278	6	1.580	3.570	1.186	2.104	1.473
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	59.886	18.071	4.010	593	437	497	278	3	557	1.089	464	494	417
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	14.562	1.694	958	50	204	39	65	867	487	441	335	176	226
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	4.375	1.180	347	44	66	17	13	209	66	91	66	29	55
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	2.511	1.025	247	-	17	-	-	45	-	26	-	-	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	1.550	827	153	-	17	-	-	35	-	24	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	19.246	2.508	940	35	33	23	162	803	188	557	299	262	196
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	5.805	1.662	377	34	28	23	136	279	32	138	108	45	76
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	7.460	1.085	444	64	14	167	-	354	98	540	384	136	24
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	3.314	823	249	64	14	114	-	127	45	167	178	61	5

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Hoài Nhon	Tây Sơn	Vân Canh	An Lão	Vĩnh Thạnh	Hoà Bình (*)	Bình Định	Thu Phúc	Mắt SG- Quy Nhơn (*)	BVĐK GL	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao&BP Pleiku
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	250	60	60	130	90	335	55	21	1.000	350	130	70
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1.457	1.935	423	401	1.012		2.300	504		5.027	1.385	41	54
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	1.442	1.818	414	353	915		2.024	471		4.672	1.014	34	32
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	98	174	63	12	9		14	12		166	-	41	-
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	196	92	59	45	110		614	34		17	1.325	1	1
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	637	1.007	147	143	298		442	161		2.752	-	18	19
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	140	196	33	46	64		38	16		272	36	-	-
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-		-		-			272	36	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	140	196	33	46	64		38	16		-	-	-	-
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	182	274	39	48	103		253	4		738	389	20	23
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	179	262	39	48	103		238	4		660	338	20	21
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	30	16	4	6	5		-			6	-	20	-
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	10	7	1	5	19		69			14	372	1	-
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	87	153	10	26	71		38	1		230	-	9	10
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	13	21	7	9	15		8			27	4	-	2
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-		-		-			24	4	-	1
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	13	21	7	9	15		8			3	-	-	1
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	1.042	963	191	101	718		1.198	23		6.067	2.623	537	368
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	65	165	45	47	93		262	3		762	364	31	55
6.1	Số điều trị khỏi	"	23	58	12	21	15		105	-		11	229	-	2
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	25	85	27	16	64		150	3		673	128	30	19
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	12	1	-	6	1		7	-		61	2	1	29
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	5	21	6	4	13		-			16	5	-	2
6.5	Số tử vong	"	-	-	-	-	-		-			1	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	-		-		-			-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	21	1.567	342	256	830		2.138	484		2.216	-	21	31
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	21	18	-	10	3		19	12		23	-	6	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	109	7.835	2.326	3.649	24		33.441	6.054		2.559	-	96	484
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	109	206	-	49	3		111	50		366	-	96	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2.741	711	351	450	1.340		9.667	1.136		12.177	2.464	164	405
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	570	144	81	85	580		2.802	7		8.737	1.976	160	340
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	365	210	81	62	123		539	91		752	318	23	31
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	43	36	22	12	38		137			478	194	21	17
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	21	-	-	-		223	7		274	37	-	2
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	10	-		-		49			233	31	-	2
12	Tổng số siêu âm	Lượt	327	139	29	57	127		1.479	219		1.071	425	5	6
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	66	22	9	13	41		323			648	224	5	4
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	206	96	9	12	62		383	79		761	4	14	19
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	86	40	-	4	28		120			561	1	14	18

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tâm TK Pleiku	BV 331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Puh	Chư Sê	Đak Đoa	Đak Pơ	Đức Cơ	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	80	120	75	65	50	130	105	50	90	70	65	110	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	561	572	507	553	505	2.027	751	412	902	684	443	653	111
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	500	515	474	493	471	1.708	714	397	828	579	397	553	92
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	-	83	40	173	-	214	114	11	246	169	77	85	-
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	25	65	78	95	82	284	98	88	151	82	107	87	22
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	76	193	154	174	163	662	269	141	245	246	105	226	6
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	-	6	63	55	95	168	133	25	162	78	23	60	11
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	-	6	63	55	95	168	133	25	162	78	23	60	11
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	23	52	36	54	66	170	96	58	76	70	65	119	37
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	18	49	34	45	57	156	88	58	70	63	60	111	32
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	-	3	5	16	-	5	14	1	1	-	1	2	-
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	3	5	12	10	3	16	27	13	25	10	12	39	11
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	1	14	10	9	11	43	27	8	18	14	7	26	3
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	2	-	2	6	3	7	4	-	17	4	3	7	6
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	2	-	2	6	3	7	4	-	17	4	3	7	6
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	661	240	301	287	280	651	406	290	201	305	340	667	95
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	28	48	45	47	47	159	72	47	55	58	68	109	
6.1	Số điều trị khỏi	"	-	3	22	38	-	54	63	38	48	42	36	62	8
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	28	42	21	3	42	95	5	9	6	12	28	37	19
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	-	3	2	5	2	4	2	-	1	4	3	5	-
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	-	-	-	1	3	6	2	-	-	-	1	5	-
6.5	Số tử vong	"	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	538	482	-	6	-	21	7	13	14	2	11	358	1
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	44	-	6	-	21	7	13	14	2	11	8	1
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	-	658	-	-	-	208	71	29	265	19	54	101	10
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	220	-	-	-	208	71	29	265	2	7	8	1
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	124	812	428	299	555	1.602	871	400	826	648	529	985	29
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	105	224	28	106	102	519	111	102	103	128	141	286	27
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	1	162	81	41	92	198	132	50	84	79	74	182	5
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	1	29	15	9	21	60	17	7	7	17	12	77	5
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	-	151	115	74	86	290	141	68	150	97	99	104	16
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	34	19	11	16	42	47	32	9	20	20	39	7
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	-	36	12	5	-	78	29	32	30	28	13	21	-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	13	-	2	-	30	9	4	2	-	-	10	-

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Krông Pa	Mang Yang	Phú Thiện	An Khê	Ayun Pa	TP Pleiku	Hoàng Anh GL	Hùng Vương GL	Mắt CN	Mắt SG-GL (*)	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	95	75	85	160	180	140	200	300	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1.155	727	896	1.387	957	2.855	4.976	4.362	1.114		Tạm dừng hoạt động. Đã có Công văn gửi SYT và BHXH		512
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	1.091	581	744	1.277	823	2.760	2.306	3.780	781				489
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	336	7	25	46	112	418		133	-				-
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	293	56	177	130	158	200	961	929	367				80
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	242	230	238	597	274	1.317	842	690	221				186
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	175	133	91	78	28	174	30	15	2				27
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		61	-	-	-	-	-	22	12	2				-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	114	133	91	78	28	174	8	3	-				27
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	116	44	149	202	194	101	491	473	82				93
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	110	43	139	190	180	93	407	428	68				82
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	23	2	4	-	4	1		9	-				-
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	28	4	29	42	14	8	128	108	3				27
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	15	16	73	68	47	28	117	91	29				10
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	16	9	7	7	6	4	5	9	1				4
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		14	-	2	-	-	-	3	6	1				-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	2	8	7	7	6	4	2	3	-				4
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	466	220	414	745	878	515	2.897	2.412	282				467
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	107	44	96	172	166	95	513	444	81				101
6.1	Số điều trị khỏi	"	86	30	49	100	64	75	1	244	39				16
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	5	4	36	63	90	16	503	187	42				78
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	5	9	9	5	4	1	9	8	-				7
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	10	1	5	4	6	3		5	-				-
6.5	Số tử vong	"	1	-	1	-	1	-		-	-				-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	1	-	-	-	-	-		-	-				-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	760	5	15	1.181	118	2.691	3.623	295	-				-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	8	5	15	3	44	78	86	115	-				-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	3.950	25	41	27	118	632	14.420	295	-				-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	-	22	6	3	44	632	506	115	-				-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	669	-	977	1.236	748	1.353	13.141	16.840	397				598
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	198	418	481	578	383	396	4.068	7.725	397				183
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	95	76	114	218	155	278	1.081	1.266	-				102
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	9	74	22	44	30	45	216	783	-				21
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	15	-	31	21	-	131	382	-				-
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	-	-	15	8	-	19	129	-				-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	227	86	165	213	216	224	2.087	2.751	126				124
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	42	15	38	74	73	38	390	554	30				34
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	5	3	45	61	40	28	301	566	55				12
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	5	1	18	36	14	10	79	264	55				7

(*): Đơn vị không báo cáo

Phụ lục 3
CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG TUẦN 04 NĂM 2026
(Từ ngày 21/01/2026 đến hết ngày 27/01/2026)

STT	Nội dung
I. Dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh	
1	Quyết định Kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
2	Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn Ngành Y tế tỉnh Gia Lai năm 2026
3	Chỉ đạo các đơn vị triển khai áp dụng Bộ chỉ số theo dõi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
II. Tổ chức cán bộ	
4	Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các TTYT sau khi chuyển giao TYT
5	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2026
6	Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các TTYT sau khi chuyển giao TYT
7	Kế hoạch tiếp tục thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành Y tế năm 2026
8	Chỉ đạo các đơn vị xây dựng khung năng lực của vị trí việc làm và bản mô tả công việc theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP
9	Kế hoạch Tiếp tục nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên y tế gắn với thực hiện y đức; đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, người bệnh, gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế
10	Xin phép đi công tác ngoài tỉnh đối với Đồng chí Giám đốc Sở
11	Thông báo Kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Gia Lai năm 2025
12	Phúc đáp xã Kông Bơ La về việc thực hiện quy định đối với Nhân viên y tế thôn, bản
III. Dược -Trang thiết bị y tế	
13	Quyết định về việc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động hành nghề kinh doanh thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại các cơ sở kinh doanh thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên địa bàn tỉnh Gia Lai
14	Kế hoạch triển khai hoạt động dược lâm sàng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030
15	Văn bản đề nghị các đơn vị lập nhu cầu sử dụng thuốc tiêm Fluorescein 20%
16	Kết quả rà soát giá thuốc trúng thầu theo Công văn số 1588/BHXH-CĐBHYT Gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh
17	Phúc đáp về việc đề nghị phê duyệt chủ trương mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm
18	Thông báo tham dự Hội thảo “Toàn diện về thiết bị y tế trong điều trị tích cực”
19	Báo cáo khó khăn, vướng mắc, bất cập về đầu thầu dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2025/TT-BYT
20	Tham dự huỷ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại TTYT Phù Mỹ
21	Văn bản trả Hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
22	Quyết định cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược và Giấy chứng nhận đạt Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc
23	Kế hoạch và Quyết định thành lập đoàn đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP) (Đợt 4 năm 2026)
24	Văn bản gửi Cục Quản lý Dược hướng dẫn chấm điểm tiêu chí 14 của Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
25	Giới thiệu nhân sự tham gia Ban soạn thảo xây dựng các Thông tư hướng dẫn Luật Dược
26	Báo cáo nhân lực, máy móc, thiết bị cho công tác lưu giữ và sàng lọc máu an toàn
27	Phối hợp triển khai hoạt động hiến máu tình nguyện tháng 02/2026
28	Văn bản trao đổi nội dung liên quan công tác chấm điểm cho các công ty dự thầu thuốc
29	Văn bản đôn đốc các đơn vị thường xuyên rà soát, kiểm tra tủ lạnh bảo quản vắc xin
30	Văn bản trả lời thông tin hành nghề dược
31	Hợp Hội đồng tư vấn cấp Chứng chỉ hành nghề dược đợt 3/2026, Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược
32	Cập nhật thông tin của các cơ sở y tế gửi Trung tâm mua sắm cấp Quốc gia
33	Quyết định ban hành Kế hoạch lấy mẫu để kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm năm 2026 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai
34	Văn bản yêu cầu lấy mẫu và cung cấp hồ sơ liên quan đến thuốc Mebifaclor
35	Thông báo lịch làm việc triển khai kế hoạch công tác năm 2026 tại Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm
36	Báo cáo kết quả công tác tháng 01/2026 và kế hoạch, nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 02/2026
37	Văn bản thông báo thu hồi số phiếu công bố sản phẩm và đình chỉ lưu hành thu hồi mỹ phẩm.
38	Thẩm định các cơ sở bán lẻ thuốc
IV. Bảo trợ xã hội và trẻ em	
39	Phối hợp hỗ trợ kinh phí đột xuất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bị mắc bệnh hiểm nghèo từ nguồn kinh phí Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh năm 2026
40	Phối hợp cung cấp thông tin tài khoản hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bị mắc bệnh hiểm nghèo đang điều trị tại bệnh viện
41	Tăng cường thu thập, nhập dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở
42	Phối hợp Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí đột xuất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bị mắc bệnh hiểm nghèo từ nguồn kinh phí Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh năm 2026
43	Hướng dẫn 58 xã, phường khu vực phía đông rà soát, cập nhật thông tin trẻ em tại địa bàn quản lý vào phần mềm quản lý trẻ em
44	Theo dõi, tổng hợp, báo cáo công tác các lĩnh vực thuộc Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em
45	Phối hợp với Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch và nhà tài trợ cùng với 5 xã: Ia Rbol, Ia Rсай, Uar, Ia Sao, Ia Dreh thăm tra, xác minh các trẻ được chọn tham gia ghi hình tại Chương trình "Mái ấm Gia đình Việt"
46	Phối hợp Văn phòng Sở tiến hành xây dựng Triển khai Kế hoạch hoạt động các chương trình trợ giúp người khuyết tật; Kế hoạch thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh năm 2026;
47	Phối hợp Văn phòng Sở xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh năm 2026;

STT	Nội dung
48	Phối hợp Văn phòng Sở xây dựng kế hoạchThực hiện Công ước của Liên hiệp Quốc về quyền của người khuyết tật năm 2026.
49	Đăng kí tham gia Hội nghị tổng kết giai đoạn 2021-2025 Chương trình trợ giúp Người khuyết tật tổ chức tại tỉnh Lâm Đồng
50	Xây dựng kế hoạch hoạt động Ban công tác về Người khuyết tật tỉnh năm 2026.
51	Phối hợp với Văn phòng Sở tiến hành mua sắm quà theo nguồn viện trợ theo Quyết định số 338/QĐ-QBT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam về việc hỗ trợ cho trẻ em bị ảnh hưởng nghiêm trọng do mưa lũ gây ra.
52	Về việc ý kiến về tiếp nhận khoản viện trợ cứu trợ tại tỉnh Gia Lai của Tổ chức SAP-VN
53	Kế hoạch Kiểm tra tình hình giao nhận, cấp phát gạo hỗ trợ nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và giáp hạt đầu năm 2026
54	Về việc cử công chức tham gia Tổ kiểm tra giao nhận, cấp phát gạo hỗ trợ nhân dân tại các xã, phường
55	Về việc đề xuất bổ sung kinh phí cho các xã, phường để chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội
56	Báo cáo kết quả thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội
57	Phối hợp với cục dự trữ nhà nước khu vực XI kiểm tra mẫu gạo tại kho Tây Sơn, kiểm tra hợp đồng nguyên tắc
58	tiếp nhận, cấp phát gạo dự trữ quốc gia cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và giáp hạt đầu năm 2026
59	Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định phân bổ gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và giáp hạt đầu năm 2026
60	Phối hợp với cục dự trữ nhà nước khu vực XI kiểm tra mẫu gạo tại kho Pleiku
61	Phục vụ thăm tặng quà trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Pơ Tô
62	Theo dõi quá trình tiếp nhận gạo tại các địa phương trong việc tiếp nhận gạo
63	Tổng hợp danh sách chúc thọ mừng thọ cho người cao tuổi năm 2026 cho NCT tròn 90 tuổi và tròn 100 tuổi
64	Xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động của Ban công tác người cao tuổi Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai
65	Hướng dẫn các quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người khuyết tật theo quy định của pháp luật
66	Quản lý, theo dõi vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về lĩnh vực bảo trợ xã hội
67	Phối hợp với Văn phòng Sở rà soát, xử lý giải quyết TTHC liên quan đến lĩnh vực bảo trợ xã hội
68	Về việc báo cáo việc giải quyết hồ sơ nhận nuôi trẻ sơ sinh bị bỏ rơi tại xã Ia Mơ
69	Về việc thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh liên quan đến việc xử lý hồ sơ đăng ký nhận nuôi con nuôi chưa đảm bảo quy định
70	Hướng dẫn 77 xã, phường khu vực phía Tây cập nhật thông tin trẻ em tại địa bàn quản lý vào phần mềm quản lý trẻ em
V. Kế hoạch - Tài chính	
71	Quyết định ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của ngành Y tế năm 2026
72	Cung cấp số liệu, hồ sơ, tài liệu phục vụ khảo sát kiểm toán tại tỉnh Gia Lai
73	Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Sở Y tế
74	Báo cáo các chỉ tiêu y tế cơ bản năm 2025
75	Quyết định thành lập Tổ xét duyệt quyết toán kinh phí chi hoạt động thường xuyên niên độ NSNN năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế
76	Kế hoạch tổ chức tập huấn công tác hạch toán, quyết toán NSNN ngành Y tế
77	Tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị kiện toàn Hội đồng điều phối vùng
78	Báo cáo Kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025
79	Cung cấp số liệu, hồ sơ, tài liệu phục vụ khảo sát kiểm toán tại tỉnh Gia Lai (lần 3)
	Tham gia ý kiến nội dung đánh giá thi hành Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008 của Bộ Tài chính
80	Góp ý dự thảo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai năm 2025
81	Báo cáo Công tác y tế Tuần 03
82	Chỉ đạo các cơ sở y tế rà soát, báo cáo số liệu thống kê lĩnh vực SKBMTE/SKSS năm 2025
83	Rà soát dự địa, động lực tăng trưởng và cập nhật kịch bản điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của ngành y tế để đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt mức 02 con số trở lên
84	Cử công chức tham gia thực hiện nhập số liệu và phê duyệt phần mềm Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội của Thống kê tỉnh
85	Đề nghị các đơn vị báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025
86	Đề nghị các đơn vị và địa phương cung cấp thông tin thực hiện nhiệm vụ “Kiểm kê nguồn nước mặt nội tỉnh giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”
87	Đề nghị các đơn vị, địa phương báo cáo tình hình sự cố môi trường do chất thải y tế và công tác PN&UPSCMT do chất thải y tế giai đoạn 2021-2025
88	Đề nghị các đơn vị báo cáo vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị theo kết luận của Thanh tra tỉnh
VI. Công tác khác	
89	Quyết định phân bổ kinh phí tiết kiệm để chi thu nhập tăng thêm cho công chức, người lao động Sở Y tế từ nguồn kinh phí tự chủ năm 2025
90	Kế hoạch triển khai công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 của Sở Y tế
91	Chỉ đạo các đơn vị triển khai tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số chuyển đổi số của tỉnh năm 2025 thuộc lĩnh vực ngành Y tế
92	Báo cáo tình hình triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Y tế trên địa bàn tỉnh
93	Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật của Sở Y tế năm 2026
94	Tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV